

Số: 2314 /TB-ĐHDL

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v nhận các loại chứng chỉ được quy đổi điểm học phần Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2,
Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

Căn cứ Quyết định số 1835/QĐ-ĐHDL ngày 22/10/2024 của Trường Đại học Điện lực ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 317/QĐ-ĐHDL ngày 24/2/2023 về việc phê duyệt đề cương chi tiết học phần thuộc chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 1141/QĐ-ĐHDL ngày 31/7/2023 về việc phê duyệt đề cương chi tiết học phần Tiếng Anh 2 dùng cho trình độ đại học của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 321/QĐ-ĐHDL ngày 24/2/2023 về việc phê duyệt đề cương chi tiết học phần thuộc chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Điện lực;

Phòng Quản lý Đào tạo thông báo các loại chứng chỉ được miễn học, miễn thi và quy đổi điểm cụ thể như sau:

1. Các chứng chỉ ngoại ngữ:

Sinh viên có các chứng chỉ Tiếng Anh như quy định còn hiệu lực tại thời điểm đăng ký học phần sẽ được miễn học, miễn thi và quy đổi điểm học phần theo hướng dẫn tại bảng sau:

STT	Chứng chỉ/văn bằng	Trình độ/thang điểm	Quy đổi điểm học phần
1	TOEFL iBT (do ETS cấp)	35-45	7.0
		46-59	8.5
		60-78	9.0
		≥79	10.0
2	Academic IELTS (do British Council/ IDP Education cấp)	5.0	7.0
		5.5	8.5
		6.0	9.0
		6.5-9.0	10.0
3	TOEIC (4 kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết do ETS cấp)	Tổng điểm ≥ 790 (trong đó tối thiểu điểm mỗi kỹ năng đạt: Nghe 275 điểm, Đọc 275 điểm, Nói 120 điểm, Viết 120 điểm)	7.0
		Tổng điểm ≥ 1095 (trong đó tối thiểu điểm mỗi kỹ năng đạt: Nghe 400 điểm, Đọc 385 điểm, Nói 160 điểm, Viết 150 điểm)	8.5
		Tổng điểm ≥ 1200 (trong đó tối thiểu điểm mỗi kỹ năng đạt: Nghe 445 điểm, Đọc 420 điểm, Nói 170 điểm)	9.0



STT	Chứng chỉ/văn bằng	Trình độ/thang điểm	Quy đổi điểm học phần
		điểm, Viết 165 điểm)	
		Tổng điểm ≥ 1305 (trong đó tối thiểu điểm mỗi kỹ năng đạt: Nghe 490 điểm, Đọc 455 điểm, Nói 180 điểm, Viết 180 điểm)	10.0
4	VSTEP (các đơn vị được Bộ GD&ĐT cấp phép)	≥ 5.5 (Bậc 3)	7.0
		≥ 6.0 (Bậc 4)	8.0
		≥ 8.5 (Bậc 5)	9.0
5	Bằng Tốt nghiệp cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh/Sư phạm Tiếng Anh		10.0

2. Các chứng chỉ tin học quốc tế:

Sinh viên có chứng chỉ tin học quốc tế ICDL, IC3, MOS (còn hiệu lực) được Nhà trường xem xét miễn học, miễn thi và quy đổi điểm đối với học phần “Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản” trong chương trình đào tạo, cụ thể:

- Đối với chứng chỉ ICDL hoặc IC3 sinh viên đạt chứng chỉ toàn phần; đối với chứng chỉ tin học quốc tế MOS đạt đủ 03 module (MS-Word, MS-Excel, MS-Powerpoint) sẽ được miễn học, miễn thi và được quy đổi điểm cho học phần “Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản”. Thang điểm quy đổi cụ thể như sau:

STT	Điểm IC3	Điểm MOS	Điểm ICDL	Điểm tổng kết học phần quy đổi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	2100 – 2400	2100 – 2400	1350 – 1445	8,00
2	2401 – 2700	2401 – 2700	1446 – 1620	9,00
3	2701 – 3000	2701 – 3000	1621 – 1800	10,00

Sinh viên có chứng chỉ tin học quốc tế ICDL, IC3, MOS đủ điều kiện miễn học, miễn thi học phần không phải tham gia học học phần Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản trong chương trình đào tạo; quy trình miễn học, miễn thi học phần thực hiện theo quy định tại quy chế đào tạo hiện hành.

Trong thời gian 03 tuần kể từ thời điểm học phần bắt đầu, Nhà trường nhận đơn xin hủy ĐKHP và quy đổi điểm. Từ tuần học thứ 4 của học phần Nhà trường chỉ nhận đơn xin quy đổi điểm. Đơn nộp kèm bản sao công chứng của chứng chỉ, phô tô căn cước công dân tại Phòng Quản lý Đào tạo.

Địa điểm nhận chứng chỉ: Bộ phận trực của Phòng Quản lý Đào tạo tại cơ sở 3 theo lịch.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để b/c);
- Phòng CTSV, các Khoa, BM;
- Đăng trang sv.epu.edu.vn;
- Lưu: VT, QL Đào tạo, Lanttp (01).

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG QL ĐÀO TẠO


Vũ Thị Thu Nga